|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA  KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG  **BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ** | **HƯỚNG DẪN CHỦ ĐỀ BÀI TẬP LỚN**  **MÔN** **PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG** |

**CHỦ ĐỀ 02**

**BÀN VỀ THOẢ THUẬN KHÔNG CẠNH TRANH**

**TRONG QUAN HỆ LAO ĐỘNG (NCA)**

**YÊU CẦU CHUNG VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HÌNH THỨC:**

*Bài tập lớn (BTL/TL):* Bài tập lớn là một tiểu luận được thực hiện theo nhóm. Mỗi nhóm tiến hành 01 đề tài (do giảng viên phân công). Tên đề tài xem trong hệ thống LMS.

Kết quả của Bài tập lớn đồng thời là **kết quả của cả nhóm.** Sau khi nhận được đề tài, nhóm trưởng cùng các thành viên chủ động nghiên cứu, hoàn thành đề cương, phân công nhiệm vụ, triển khai thực hiện. Mọi khó khăn liên hệ trực tiếp với giảng viên để được hướng dẫn cụ thể.

*(i) Về dung lượng và hình thức:*

*- Phần nội dung của tiểu luận được trình bày* ***tối thiểu là 30 trang và tối đa 40 trang****;*

*- Khổ giấy A4;*

*- Đánh máy kiểu chữ Times New Roman;*

*- Căn lề trên 3,5cm; lề dưới 3cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2cm;*

*- Cỡ chữ 13, giãn dòng 1.3 lines;*

*- Khoảng cách chữ bình thường, không được ép hoặc dãn khoảng cách chữ;*

*- Cách dòng trên before 6 pt, cách dòng dưới after 6 pt (nếu cần thiết);*

*- Số trang phải được đánh ở giữa, phía dưới mỗi trang giấy. Bắt đầu đánh số trang từ phần mở đầu và kết thúc ở trang cuối cùng của phần kết luận. Không đánh số trang ở trang bìa, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục;*

*- Một số lưu ý: phải thụt lề đầu dòng khi viết; tách đoạn rõ ràng; không sử dụng màu sắc trong tiểu luận; bìa tiểu luận phải có đầy đủ tên môn học, tên đề tài, Nhóm – Lớp, Giảng viên hướng dẫn.*

Trang đầu tiên (sau trang bìa) phải trình bày Báo cáo kết quả làm việc của Nhóm, **có chữ ký của từng thành viên** và Nhóm trưởng (***xem mẫu Báo cáo)***

**BÁO CÁO PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ KẾT QUẢ**

**THỰC HIỆN ĐỀ TÀI CỦA TỪNG THÀNH VIÊN NHÓM….**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **MSSV** | **Nhiệm vụ** | **Kết quả**  **(%)** | **Chữ ký** |
| 1. |  |  |  | Tỷ lệ % do các thành viên cùng đánh giá |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

**NHÓM TRƯỞNG** *(ghi rõ họ tên, ký tên)*

*(Thông tin liên hệ của nhóm trưởng:* ***SĐT,*** *EMAIL)*

*(ii) Về bố cục*:

Cấu trúc bài tiểu luận bao gồm: ***Trang bìa, Trang Báo cáo phân công nhiệm vụ, Mục lục, Danh mục từ viết tắt (nếu có), Phần mở đầu, Phần nội dung, Phần kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo***

*(iii) Quy định trích dẫn tài liệu*:

Mọi nội dung lấy từ tài liệu khác mà không phải là quy định pháp luật đều phải được chú thích nguồn.

Các tài liệu có nội dung được sử dụng trong tiểu luận đều phải được liệt kê trong Danh mục tài liệu tham khảo

***(iv) Cách chú thích trong bài*:** Chú thích tự động (Insert footnote)

- Tài liệu trích dẫn là sách tham khảo, sách chuyên khảo: tên tác giả hoặc các tác giả (năm xuất bản), *tên sách (in nghiêng)* , nhà xuất bản, trang trích dẫn[[1]](#footnote-1).

- Tài liệu trích dẫn là giáo trình: tên trường (năm xuất bản), *tên sách (in nghiêng)*, Chủ biên, nhà xuất bản, trang trích dẫn[[2]](#footnote-2).

- Tài liệu là tạp chí khoa học, hội thảo, báo: tên tác giả hoặc các tác giả (năm xuất bản), “tên bài viết”, *tên tạp chí (in nghiêng)*, (số tạp chí), trang trích dẫn[[3]](#footnote-3).

- Tài liệu là luận văn, luận án: tên tác giả (năm công bố), *tên luận văn/luận án (in nghiêng)*, Luận văn Thạc sỹ/Luận án Tiến sĩ, tên trường đào tạo, trang trích dẫn.

- Tài liệu internet: Tên tác giả (nếu có), “tên bài viết”, link bài viết URL, ngày truy cập (chỉ ghi ngày, tháng, năm).

*(v) Cách viết Danh mục tài liệu tham khảo*:

Danh mục tài liệu tham khảo được đặt ngay sau phần kết luận.

**\*Danh mục tài liệu tham khảo được chia thành hai mục,** **bao gồm:**

**A. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

- Đối với đạo luật/bộ luật: Tên đạo luật/bộ luật – (số hiệu đạo luật/bộ luật) – ngày ban hành. Ví dụ: Luật Doanh nghiệp (Luật số 59/2020/QH14) ngày 17/6/2020.

- Đối với văn bản quy phạm dưới luật: Loại văn bản – số hiệu văn bản – cơ quan ban hành – ngày ban hành – tiêu đề văn bản. Ví dụ: Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/3/2020 về công tác văn thư.

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Tài liệu tham khảo bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau thì sắp xếp các tài liệu tham khảo thành nhóm theo từng ngôn ngữ, bắt đầu bằng nhóm tài liệu tham khảo tiếng Việt.

Đối với tài liệu tham khảo từ internet phải được lập thành nhóm riêng.

Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt dựa trên chữ cái đầu tiên trong tên tác giả hoặc chữ cái đầu tiên của tên cơ quan chủ trì/phát hành. **Không được ghi học hàm, học vị, chức vụ của tác giả.**

**Nội quy BTL của môn học: Trường hợp có sinh viên đạo văn/không trích dẫn nguồn tài liệu: 0 điểm nhóm, vì đây là sản phẩm nghiên cứu chung của cả nhóm, *đề nghị từng thành viên có ý thức trong việc trích dẫn tài liệu, nguồn chú thích.***

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**1. Lý do chọn đề tài**

*Sinh viên cần trình bày khái quát về đề tài thuộc lĩnh vực nào, đối tượng nghiên cứu của của đề tài.*

*Tính cấp thiết của đề tài dưới góc độ lý luận và thực tiễn, từ đó nêu lên vị trí và tầm quan trọng của đề tài có ý nghĩa gì đối với sự phát triển của xã hội.*

*Vậy nên, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu đề tài “…” cho Bài tập lớn trong chương trình học môn Pháp luật Việt Nam Đại cương.*

**2. Nhiệm vụ của đề tài**

*Một là,* làm rõ khái niệm thoả thuận không cạnh tranh trong quan hệ lao động (NCA) dưới góc độ lý luận và pháp lý.

*Hai là,* phân tích hiệu lực pháp lý của thoả thuận không cạnh tranh trong quan hệ lao động (NCA).

*Ba là,* nghiên cứu thực tiễn xét xử, nhận thấy một số vấn đề pháp lý phát sinh liên quan đến thoả thuận không cạnh tranh (NCA) trong quan hệ lao động từ những tranh chấp thực tế, từ đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

**3. Kết cấu của đề tài:** *gồm mấy chương, tên cụ thể từng chương, nhiệm vụ từng chương*

**PHẦN NỘI DUNG**

**CHƯƠNG I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ THỎA THUẬN**

**KHÔNG CẠNH TRANH TRONG QUAN HỆ LAO ĐỘNG (NCA)**

**1.1. Khái niệm thoả thuận không cạnh tranh trong quan hệ lao động**

***1.1.1 Dưới góc độ lý luận***

Làm rõ nội hàm của cụm từ “cạnh tranh” theo: từ điển, ngôn ngữ…

Thỏa thuận không cạnh tranh là thuật ngữ bắt nguồn từ cụm từ “non-compete agreements” tại các quốc gia theo hệ thống common law.

Không cạnh tranh khác gì so với cấm cạnh tranh, hạn chế cạnh tranh…

***1.1.2. Dưới góc độ pháp lý***

***1.1.3. Sự tồn tại và ghi nhận của pháp luật về thoả thuận không cạnh tranh theo pháp luật lao động Việt Nam***

Thỏa thuận không cạnh tranh được ghi nhận như thế nào thông qua các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam: Bộ luật Lao động/Pháp lệnh các thời kỳ, Luật Cạnh tranh, Luật Sở hữu trí tuệ, cùng các văn bản quy phạm pháp luật khác.

***1.1.4.*** ***Phân biệt thỏa thuận không cạnh tranh với một số loại thỏa thuận đặc thù khác trong quan hệ lao động***

Trong lĩnh vực lao động có ba dạng cam kết hạn chế đặc thù đó là thoả thuận không tiết lộ, thoả thuận không cạnh tranh và thoả thuận không lôi kéo. Hãy phân biệt các thoả thuận này.

**1.2. Nội dung điều chỉnh của pháp luật về thoả thuận không cạnh tranh trong quan hệ lao độn****g.**

***1.2.1. Về chủ thể của thoả thuậ******n***

***1.2.2. Về căn cứ phát sinh và thời hạn có hiệu lực của thoả thuậ******n***

***1.2.3. Về nội dung của thoả thuận***

***1.2.4.*** ***Về hình thức và tính độc lập của thoả thuận***

**1.3. Về điều kiện có hiệu lực của thoả thuận**

***1.3.1. Điều kiện về đối tượng NLĐ chịu ràng buộc***

***1.3.2. Điều kiện về xác định NSDLĐ cạnh tranh***

***1.3.3. Điều kiện về thời gian ràng buộc.***

***1.3.4. Điều kiện về không gian ràng buộc.***

***1.3.5. Điều kiện về nghĩa vụ tài chính của NSDLĐ.***

**CHƯƠNG II. THỰC TIỄN XÉT XỬ, KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỎA THUẬN KHÔNG CẠNH TRANH TRONG QUAN HỆ LAO ĐỘNG**

Theo Quyết định số 755/2018/QĐ-PQTT ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.

Ngày 10/10/2015, Công ty TNHH X và bà Đỗ Thị Mai T ký kết hợp đồng lao động với thời hạn mười hai (12) tháng (từ ngày 10/10/2015 đến 31/10/2016), bà Trang làm việc tại Recess với vị trí là trưởng bộ phận tuyển dụng. Ngày 21/10/2015, Công ty X và bà T đã ký kết Thỏa thuận bảo mật thông tin và không Cạnh tranh (sau đây viết tắt là NDA), trong đó Khoản 1, Điều 3 NDA có nội dung: *“Trong quá trình cá nhân được tuyển dụng hoặc làm việc với Công ty X và trong thời gian mười hai (12) tháng dương lịch sau khi chấm dứt tuyển dụng hoặc kết thúc làm việc với Công ty X, không xét đến nguyên nhân chấm dứt tuyển dụng hoặc kết thúc làm việc, cá nhân đồng ý không, trực tiếp hoặc gián tiếp và trên toàn bộ phạm vi lãnh Thổ, thực hiện công việc tương tự Công việc hoặc về bản chất tương tự công việc vào bất kỳ công việc kinh doanh nào cạnh tranh với Lazada.vn (…), đang hoặc trong tương lai sẽ cạnh tranh với công việc kinh doanh của Lazada.vn, Recess và/hoặc các đơn vị liên kết và các đối tác của Công ty X”*. Các bên cũng thỏa thuận nếu xảy ra tranh chấp sẽ được giải quyết bằng phán quyết trọng tài.

Ngày 01/11/2016, Công ty X và bà T tiếp tục ký kết hợp đồng lao động có thời hạn là 12 tháng (từ ngày 01/11/2016 đến 31/10/2017) với vị trí là Trưởng Bộ phận Tuyển dụng.

Ngày 18/11/2016, bà T chấm dứt Hợp đồng lao động năm 2016 với Công ty X. Ngày 02/10/2017, Công ty X đã nộp đơn khởi kiện kèm theo các chứng cứ tại VIAC, theo đó yêu cầu bà T bồi thường cho Công ty X số tiền 205.197.300 đồng, bằng 03 (ba) lần tiền lương tháng liền kề trước khi bà Trang đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động năm 2016 vì bà T đã vi phạm Khoản 1, Điều 3 NDA.

Ngày 19/02/2018, Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) lập tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Phán quyết Trọng tài số 75/17 HCM có nội dung như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền bồi thường là 205.197.300 VND (Hai trăm lẻ năm triệu một trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm đồng).

2. Bị đơn phải chịu toàn bộ phí trọng tài của vụ tranh chấp này là 24.600.000 VND. Do nguyên đơn đã nộp toàn bộ chi phí trọng tài nên Bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 24.600.000 VND (Hai mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

3. Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ khoản tiền nêu tại Mục 1 và Mục 2, Phần IV nêu trên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập phán quyết trọng tài này. Trường hợp bị đơn chậm thanh toán, bị đơn phải tiếp tục chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, với mức lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

4. Phán quyết trọng tài này được lập ngày 19 tháng 02 năm 2018 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Phán quyết trọng tài này có giá trị chung thẩm, ràng buộc các bên và có hiệu lực kể từ ngày lập Phán quyết.

Không đồng ý với phán quyết của trọng tài, ngày 22/3/2018, bà T đã nộp đơn khởi kiện tại Toà án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với yêu cầu xem xét huỷ toàn bộ nội dung Phán quyết Trọng tài số 75/17 HCM ngày 19/02/2018 của VIAC với các lý do sau:

- Thoả thuận trọng tài vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và phán quyết của Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam

- Thủ tục trọng tài trái với các quy định của Luật Trọng tài thương mại.

- Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài.

- Hội đồng trọng tài sử dụng chứng cứ giả mạo.

Sau khi xem xét toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên họp; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét đơn nhận định:

Lý do*“Thoả thuận trọng tài vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật”* và *“Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”*. Xét thấy, căn cứ Điều 13 Luật Trọng tài Thương mại 2010 quy định: *“Trong trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định của Luật này hoặc của thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không phản đối những vi phạm trong thời hạn do Luật này quy định thì mất quyền phản đối tại Trọng tài hoặc Tòa án”*. Điều 6 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 hướng dẫn Luật Trọng tài thương mại do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “*Trường hợp một bên phát hiện có vi phạm quy định hoặc của thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tố tụng trọng tài và không phản đối với Hội đồng trọng tài, Trung tâm trọng tài những vi phạm đó trong thời hạn do Luật Trọng tài Thương mại quy định thì mất quyền phản đối tại Trọng tài, hoặc tại Tòa án đối với những vi phạm đã biết đó. Trường hợp Luật Trọng tài Thương mại không quy định thời hạn thì thời hạn được xác định theo thỏa thuận của các bên hoặc quy tắc tố tụng trọng tài” và “Trường hợp Tòa án xác định vi phạm đã mất quyền phản đối quy định tại Điều 13 Luật Trọng tài Thương mại và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này thì bên đã mất quyền phản đối không được quyền khiếu nại quyết định của Hội đồng trọng tài, yêu cầu hủy phán quyết trọng tài đối với những vi phạm đã mất quyền phản đối đó. Tòa án không được căn cứ vào các vi phạm mà một hoặc các bên đã mất quyền phản đối để quyết định chấp nhận yêu cầu của một hoặc các bên”*. Điều 9 Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC có hiệu lực từ ngày 01/03/2017 quy định: *“Trong trường hợp bị đơn cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì bị đơn phải nêu rõ trong Bản tự bảo vệ. Nếu bị đơn không nêu rõ điều đó trong bản tự bảo vệ thì bị đơn mất quyền phản đối”*. Trong Bản tự bảo vệ đề ngày 04/12/2017 của bà T cũng như trong suốt quá trình tố tụng trọng tài, bà T không hề đưa ra bất cứ phản đối nào đối với thoả thuận trọng tài. Như vậy, bà T đã mất quyền phản đối về thoả thuận trọng tài theo quy định nêu trên.

Bên cạnh đó, bà T cho rằng NDA vi phạm quy định về quyền làm việc của người lao động, vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm theo Luật Việc làm 2013 mà Hội đồng Trọng tài vẫn công nhận NDA là Hội đồng Trọng tài đã vi phạm nguyên tắc tuân thủ pháp luật của người lao động cũng như điều cấm tại Luật Việc làm 2013. Xét thấy tại Điều 4 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: *“Quyền tự do cam kết, thoả thuận trong việc xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự được pháp luật bảo đảm, nếu cam kết, thoả thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quan hệ dân sự, các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào được áp đặt, cấm đoán, cưỡng ép, đe doạ, ngăn cản bên nào. Cam kết, thoả thuận hợp pháp có hiệu lực bắt buộc thực hiện đối với các bên và phải được cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác tôn trọng”*. Trong trường hợp này, giữa bà T với Công ty X đã tự nguyện ký kết, khi ký bà T là người có đầy đủ năng lực hành vi theo quy định của pháp luật, không bị ép buộc, lừa dối hay áp đặt ý chí để bà T phải chấp nhận ký NDA. Do đó, NDA có hiệu lực. Việc Hội đồng Trọng tài công nhận hiệu lực của NDA là hoàn toàn đúng pháp luật.

Lý do hủy phán quyết trọng tài vì *“Thủ tục trọng tài trái với các quy định của Luật Trọng tài thương mại”*. Bà T cho rằng thủ tục trọng tài trái với quy định của Luật Trọng tài thương mại bởi: *“Phán quyết đã được lập vào ngày thứ 31 kể từ ngày diễn ra phiên họp của Hội đồng trọng tài”* và *“Phán quyết trọng tài đã không được gửi đến bà ngay sau ngày ban hành tức phải ngày 20/01/2018”*. Căn cứ Khoản 5 và Khoản 6, Điều 148 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Khi ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó”* và *“Thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hạn vào lúc hai mươi tư giờ của ngày đó”*. Phiên họp cuối cùng giải quyết vụ tranh chấp giữa Công ty X và bà T được tổ chức vào ngày 19/01/2018, tuy nhiên do ngày 18/02/2018, ngày thứ 30 kể từ ngày diễn ra Phiên họp cuối cùng là ngày Chủ nhật, tức ngày nghỉ cuối tuần, nên Hội đồng Trọng tài ban hành Phán quyết vào ngày 19/02/2018 là vẫn còn trong thời hạn theo quy định viện dẫn nêu trên. Ngày 20/02/2018 và 21/02/2018 là ngày nghỉ lễ Tết Nguyên đán, nên theo quy định tại Khoản 5, Điều 148 Bộ luật Dân sự 2015, thời hạn gửi Phán quyết không thể kết thúc vào các ngày này, mà kết thúc vào lúc hai mươi tư giờ của ngày làm việc tiếp theo, tức ngày 22/02/2018. Do đó, Phán quyết được gửi cho các bên trong ngày 22/02/2018 là vẫn còn trong thời hạn quy định tại Luật Trọng tài thương mại.

Lý do *“Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài”*. Bà T cho rằng *“tranh chấp về NDA là tranh chấp sẽ do Toà án giải quyết”*. Căn cứ Khoản 2, Điều 2, Luật Trọng tài thương mại quy định: *“Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài: Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại”*. Công ty X là thương nhân, có đăng ký kinh doanh, có hoạt động thương mại theo Luật Thương mại 2005. Do đó, Thỏa thuận trọng tài thuộc thẩm quyền giải quyết của VIAC và trọng tài theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 Luật Trọng tài thương mại. Nội dung này đã được Hội đồng trọng tài kết luận tại Phiên họp ngày 19/01/2018 (Phần A, trang 5 và Phần C, trang 6 của Phán Quyết). Khoản 4, Điều 35 Luật Trọng tài thương mại quy định: *“Trường hợp bị đơn cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Trọng tài, không có thoả thuận trọng tài, thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì phải nêu rõ điều đó trong bản tự bảo vệ”*. Trong khi đó, tại Bản Tự bảo vệ cũng như trong suốt quá trình tố tụng trọng tài, bà T không đưa ra bất cứ phản đối nào đối với thẩm quyền của trọng tài mà vẫn tiếp tục tố tụng trọng tài, vẫn tham gia phiên họp giải quyết tranh chấp. Như vậy, bà T đã mất quyền phản đối về thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài theo quy định tại Điều 13 Luật Trọng tài thương mại và hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP. Bên cạnh đó, bà T cho rằng tranh chấp giữa các bên là tranh chấp lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án, vì NDA là một phần không thể tách rời của các Hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty X. Tại đoạn 11, Bản Luận cứ đề ngày 18/01/2018 của Luật sư bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà T tại VIAC và tại Phiên họp cuối cùng, Luật sư của bà T đã khẳng định lại quan điểm NDA hoàn toàn độc lập với các Hợp đồng lao động giữa Công ty X và bà T. Do đó, Hội đồng xét đơn xác định thỏa thuận NDA là một thỏa thuận độc lập, khi có tranh chấp thì thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài như sự lựa chọn của các bên từ khi ký kết.

Lý do *“Chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo”*. Xét thấy, Công ty X đã cung cấp cho Hội đồng Trọng tài và bà T: Thư xác nhận của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) và Phiếu lương tháng liền kề trước hành vi vi phạm NDA của bà T. Các chứng cứ này là các tài liệu do Ngân hàng ANZ và Công ty X xác nhận nên không thể xem là giả mạo. Hơn nữa căn cứ Khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại đây là phần nội dung, không thuộc thẩm quyền của hội đồng xét đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp có ý kiến: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc hủy phán quyết trọng tài. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét đơn nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Mai T.

**2.1. Quan điểm của nhóm nghiên cứu về tranh chấp**

Xác định vấn đề pháp lý trong tranh chấp trên.

Theo Hội đồng Trọng tài thì thoả thuận không cạnh tranh giữa các bên có phát sinh hiệu lực pháp luật hay không? Vì sao?

Theo Hội đồng xét xử thì thoả thuận không cạnh tranh giữa các bên có phát sinh hiệu lực pháp luật hay không? Vì sao?

Thoả thuận không cạnh tranh giữa các bên là thoả thuận trong quan hệ lao động hay quan hệ dân sự? Thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật lao động hay pháp luật dân sự.

Nhóm tác giả đánh giá như thế nào về hiệu lực pháp lý của thoả thuận không cạnh tranh mà các bên đã giao kết.

**2.2. Bất cập và kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật hiện hành**

*Từ nội dung Chương I và Chương II, sinh viên rút ra kết luận về 02 bất cập quy định pháp luật có liên quan về thoả thuận không cạnh tranh trong quan hệ lao động. (Không nêu những bất cập ngoài nội dung đã nghiên cứu).*

*Từ bất cập quy định pháp luật, sinh viên cần thông qua hiểu biết pháp lý để đưa ra 02 kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật. (Cần giải thích cơ sở xây dựng 02 kiến nghị.)*

*Lưu ý: tránh lan man, sai chủ đề*

**2.3. Bình luận về quan điểm: “Thỏa thuận không cạnh tranh trong quan hệ lao động vi phạm quyền tự do làm việc của người lao động”**

*Đánh giá quan điểm trên, từ khía cạnh pháp luật hiện hành, quan điểm các chuyên gia, thực tiễn xét xử của Toà án, quan điểm nhóm nghiên cứu.*

**2.4. Sưu tầm bản án**

*Tìm 02 bản án Việt Nam (hoặc 1 bản án trong nước và 1 bản án nước ngoài) có tranh chấp về thoả thuận không cạnh tranh trong quan hệ lao động.*

*Tóm tắt không quá 02 trang A4.*

***Trừ các bản án sau:***

*- Bản án số 09/2010/LĐ-ST ngày 10/12/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An về tranh chấp hợp đồng lao động*

*- Bản án số 01/2013/LĐ-ST ngày 22/01/2013 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh về tranh chấp hợp đồng lao động*

*- Bản án số 420/2019/LĐ-PT ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tranh chấp chấm dứt hợp đồng lao động với đối thủ cạnh tranh*

*- Bản án số 11/2020/LĐ-PT ngày 22/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai về tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng lao động*

*- Bản án số 03/2021/LĐ-PT ngày 24/3/2021 của TAND TP.HCM*

**PHẦN KẾT LUẬN**

*(Trình bày tóm lại kết quả nghiên cứu được thực hiện ở những nội dung trên. Khẳng định nhiệm vụ đặt ra của đề tài đã hoàn thành)*

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**Mẫu minh hoạ**

**A. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

1. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

2. Bộ luật Dân sự (Luật số: 91/2015/QH13) ngày 24/11/2015.

3. Bộ luật Lao động (Bộ luật số: 45/2019/QH14) ngày 20/11/2019.

4. Luật Nhà ở (Luật số: 65/2014/QH13) ngày 25/11/2014.

5. Luật Doanh nghiệp (Luật số 59/2020/QH14) ngày 17/6/2020.

6. Nghị quyết…

7. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/3/2020 về công tác văn thư.

8. Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

9. Thông tư…

**B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÁC**

*Tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt*

8. Vũ Đình Khôi (2011), *Xây dựng khung pháp lý cho thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực lao động,* Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật TP.HCM.

9. Ung Thị Kim Liên (2020), *Pháp luật về thỏa thuận không cạnh tranh trong lĩnh vực lao động,* Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật TP.HCM.

10. Hoàng Phê, *Từ điển Tiếng Việt,* NXB. Đà Nẵng – Trung tâm từ điển học.

11. …

*Tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh*

14. [Bryan A Garner](https://www.worldcat.org/search?q=au%3AGarner%2C+Bryan+A.%2C&qt=hot_author), [Henry Campbell Black](https://www.worldcat.org/search?q=au%3ABlack%2C+Henry+Campbell%2C&qt=hot_author) (1999), *Black’s Law Dictionary*, St. Paul, Minn. : West Group.

15. Conti, R. (2014), “Do non‐competition agreements lead firms to pursue risky R&D projects?”, *Strategic Management Journal*, No. 35(8), pg. 1230-1248.

16. Kwan Seung Lee (2019), *Noncompete Agreements: History, Diffusion, and Consequences*, Dissertation, Cornell University.

*…*

*Tài liệu từ internet*

19. Nguyễn Hữu Trí (2002), “Đặc trưng của hợp đồng lao động”, [Đặc trưng của hợp đồng lao động - lapphap.vn](http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208800), 01/03/2024.

20. “Giám sát”, [giam sat - tratu.soha.vn](http://tratu.soha.vn/dict/vn_vn/Gi%C3%A1m_s%C3%A1t), 02/04/2024.

*MẪU Trình bày mục lục tự động*

**MỤC LỤC**

**PHẦN MỞ ĐẦU 1**

**1. Tính cấp thiết của đề tài 2**

**2. Nhiệm vụ của đề tài...................................................................................... 2**

**3. Bố cục tổng quát của đề tài 3**

**PHẦN NỘI DUNG 4**

**CHƯƠNG I. KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI NGUỒN NGUY HIỂM CAO ĐỘ 6**

**1.1. Khái niệm nguồn nguy hiểm cao độ 8**

***1.1.1.***

*1.1.1.1*

*1.1.1.2.*

***1.1.2.***

**1.2. Phân loại 13**

**CHƯƠNG II. ĐIỀU KIỆN PHÁT SINH TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT DO NGUỒN NGUY HIỂM CAO ĐỘ GÂY RA 15**

**2.1. Có tồn tại nguồn nguy hiểm cao độ trái pháp luật 18**

**2.2. Thiệt hại thực tế 22**

***2.2.1.***

*2.2.1.1*

*2.2.1.2.*

***2.2.2.***

**2.3. Mối quan hệ nhân quả 26**

**2.4. Vai trò của yếu tố lỗi 31**

**PHẦN KẾT LUẬN 35**

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 39**

1. Ví dụ: Đào Thị Bích Hồng (2015), *Tên sách…,* Nxb. Chính trị quốc gia, tr.23. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ví dụ: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, (Chủ biên: PGS.TS. Đỗ Văn Đại), Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, tr.100. [↑](#footnote-ref-2)
3. Ví dụ: Đỗ Văn Đại (2014), “Tác động của các quy định mới trong Hiến pháp năm 2013 tới pháp luật dân sự”, Tạp chí *Nghiên cứu lập pháp*, (11), tr.14. [↑](#footnote-ref-3)